

Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về trẻ em.

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Chủ nhiệm Ủy ban hoặc có Chủ nhiệm chuyên trách. Thành viên Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quyết định theo hướng dẫn của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam. Ủy ban có một Phó Chủ nhiệm chuyên trách và các chuyên viên giúp việc do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quy định.

c) Ở cấp huyện, quận và tương đương thành lập Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Chủ nhiệm Ủy ban; có chuyên viên chuyên trách giúp việc Ủy ban đặt tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân.

d) Ở cấp xã, phường và tương đương thành lập Ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Trưởng ban, có cán bộ giúp việc kiêm nhiệm trong số cán bộ của xã, phường đã được quy định.

e) Ở các cơ quan, xí nghiệp, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em cần được đưa vào nội dung chương trình công tác của đơn vị, có cán bộ lãnh đạo đơn vị phụ trách và sử dụng các bộ phận chuyên môn của đơn vị giúp việc.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 362-HĐBT ngày 6-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

Điều 8. - Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 465-TTg ngày 27-8-1994 về việc ban hành Quy chế về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Điều 39 Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 3 và Điều 12 Luật Công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Sau khi thỏa thuận với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành Quy chế về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kèm theo Quyết định này.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIỆT

QUY CHẾ về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 465-TTg ngày 27-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 1. - Mối quan hệ giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được quy định trong Luật Công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990 và Nghị định số 133-HĐBT ngày 20-4-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) hướng dẫn thi hành Luật Công đoàn. Bản Quy chế này xác định một số điểm cụ thể về quan hệ phối hợp trong quá trình xử lý các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ có liên quan đến chức năng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, nhằm phát huy vai trò của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong việc tham gia với Nhà nước xây dựng và thực hiện các cơ chế, chủ trương, chính sách quản lý liên quan trực tiếp đến việc phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, viên chức và người lao động; bảo đảm các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức và người lao động, đồng thời tổ chức, giáo dục, động viên công nhân, viên chức và người lao động tích cực thực hiện các nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng đã được xác định.

Điều 2. - Trong việc soạn thảo các văn bản pháp luật, các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương, bảo hộ lao động và các chính sách xã hội khác liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì việc soạn thảo văn bản có trách nhiệm lấy ý kiến của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; văn bản dự thảo cần được gửi đến Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sớm để có đủ thời gian nghiên cứu và tham gia ý kiến.

- Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm cử người đại diện có thẩm quyền trực tiếp tham gia cùng cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

- Trong trường hợp ý kiến của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo khác nhau, chưa thống nhất được, thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải báo cáo cả hai ý kiến khác nhau để Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. - Về việc tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm trong công nhân, viên chức và người lao động:

- Chính phủ định ra mục tiêu, nội dung thi đua hàng năm và tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng;

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm tổ chức phát động thi đua, đề ra những biện pháp phát huy mọi tiềm năng của công nhân, viên chức và người lao động để thực hiện có hiệu quả những mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra.

Điều 4. - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được cử người đại diện tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và việc thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến quyền và lợi ích của công nhân, viên chức và người lao động do Chính phủ hoặc do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức.

Điều 5. - Về việc giải quyết các kiến nghị của công nhân, viên chức và người lao động.

1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động ở các Bộ, ngành, địa phương.

Khi có những vấn đề phát sinh cần giải quyết, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần kịp thời phản ánh tới các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để giải quyết hoặc báo cáo để Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

2. Trong trường hợp các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công nhân, viên chức và người lao động đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, hoặc các Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, giải quyết nhưng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam còn có ý kiến khác thì Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có thể trực tiếp đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

Điều 6. - Hàng năm, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng kế hoạch thu, chi nguồn quỹ công đoàn gửi Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Nếu nguồn thu của Tổng Liên đoàn

Lao động Việt Nam không đủ đáp ứng yêu cầu chỉ cần thiết thì Nhà nước sẽ xem xét, cấp hỗ trợ một phần kinh phí.

Điều 7. - Bộ Ngoại giao theo thẩm quyền được giao, có trách nhiệm giúp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nắm vững tình hình hoạt động Công đoàn các Quốc gia và Quốc tế và giúp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện các kế hoạch hợp tác giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với Công đoàn các Quốc gia và Quốc tế.

Điều 8. - Về chế độ thông tin báo cáo:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thông tin cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tình hình kinh tế - xã hội và các chủ trương, chính sách của Nhà nước mới ban hành liên quan trực tiếp tới quyền, nghĩa vụ và lợi ích của công nhân, viên chức và người lao động.

Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Chính phủ cử người đại diện đến Hội nghị Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thông báo những vấn đề về chính sách, chế độ liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công nhân, viên chức và người lao động.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm báo cáo về tình hình việc làm, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động và hoạt động công đoàn với Chính phủ.

Điều 9. - Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được mời dự các phiên họp của Chính phủ giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của công nhân, viên chức và người lao động hoặc liên quan đến hoạt động công đoàn.

Thủ tướng Chính phủ hoặc các thành viên của Chính phủ được mời đến dự các kỳ họp của Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khi bàn về các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của công nhân, viên chức và người lao động.

Hàng năm (hoặc những khi cần thiết) Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức họp liên tịch (hoặc làm việc) để trao đổi về những vấn đề cần thiết trong

mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thời gian, chương trình làm việc do Văn phòng Chính phủ phối hợp với Văn phòng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chuẩn bị.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 481-TTg ngày 8-9-1994 về việc tổ chức và vận động toàn dân ăn muối iốt.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thanh toán bệnh bướu cổ, bệnh đần độn, góp phần vào việc nâng cao dân trí, phát triển kinh tế xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Muối iốt được coi là một loại thuốc để phòng bệnh bướu cổ, bệnh đần độn và các bệnh do thiếu hụt iốt khác. Vì vậy, Chính phủ quyết định vận động và tổ chức để toàn dân ăn muối iốt thay muối thường từ năm 1995.

Điều 2. - Giao Bộ Thương mại tổ chức sản xuất và cung ứng muối iốt trong phạm vi cả nước theo các quy định dưới đây:

a) Muối iốt phải được sản xuất theo đúng tiêu chuẩn quy định: bảo đảm vệ sinh trong khi sản xuất, vận chuyển, cất giữ đóng gói vào bao bì theo quy định của Bộ Y tế. Từng bao muối iốt phải có nhãn ghi rõ tên cơ sở sản xuất, ngày sản xuất và giá bán.

Bộ Y tế cấp giấy phép sản xuất muối iốt và giám sát việc tổ chức sản xuất, kiểm tra chặt chẽ việc bảo đảm chất lượng muối iốt.